

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HSST
Ngày 31- 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Vệ và ông Nguyễn Đăng Nhu.

Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2019/TLST- HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HS ngày 18/7/2019 đối với bị cáo:

Trần Tuấn A, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1997 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 09/7/2019; con ông Trần Quang K và con bà Nguyễn Thị M; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn A: Ông Nguyễn H- Luật sư văn phòng Luật sư H- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt

* Người bị hại: Ông Nguyễn Chính H1 (đã chết).

* Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:

Ông Nguyễn Chính H2, sinh năm 1930

Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1938

Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1967

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993

Anh Nguyễn Chính U, sinh năm 1991

Đều trú tại: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, tất cả đều vắng mặt.

Người được ông H2, bà H3, bà H4, chị L và anh U ủy quyền:

Ông Nguyễn Chính T, sinh năm 1959; trú tại: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Quang K, sinh năm 1970, có mặt

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971, có mặt

Đều trú tại: Thôn L, xã X, huyện Đ, Hà Nội.

Anh Phạm Thanh T1, sinh năm 1993

Trú tại: Xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

* Người làm chứng: Tất cả đều vắng mặt

Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1969

Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1966

Ông Vũ Văn N, sinh năm 1958

Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1982

Phạm Thanh T2, sinh năm 1993.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 19 tháng 01 năm 2019, Trần Tuấn A có giấy phép lái xe mô tô hạng A2 theo quy định, một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, biển kiểm soát: 29S1- xxx.xx đi từ nhà đến công ty H thuộc xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để làm việc.

Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày A điều khiển xe mô tô theo đường Quốc lộ 2A hướng Hà Nội đi Vĩnh Yên và đi ở làn đường trong cùng bên phải theo chiều đi của mình (làn đường cho xe mô tô, xe thô sơ). Khi đi đến đoạn đường phía trước cửa Công ty C thuộc địa phận tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc khu vực đông dân cư, gần khoa khám bệnh của Bệnh viện V. Trần Tuấn A điều khiển xe với tốc độ khoảng 50- 60km/h, do xe moto của Trần Tuấn A không có gương chiếu hậu nên quá trình điều khiển xe A thường xuyên phải quay mặt sang trái, sang phải để quan sát các phương tiện tham gia giao thông khác. Lúc này ông Nguyễn Chính H1 đang đi bộ từ phía đường đối

diện trèo qua dải phân cách cứng đi sang làn đường dành cho xe mô tô và xe thô sơ theo chiều Hà Nội đi Vĩnh Yên. Khi A quay mặt sang trái để nhìn về phía sau, tránh các phương tiện đi cùng chiều vượt xe của mình. Do không chú ý quan sát phía trước đầu xe của mình nên khi vừa quay mặt về phía sau thì xe mô tô do A điều khiển đã đâm trực diện vào phía sau ông Nguyễn Chính H1 đang đi bộ ở phía đường cùng chiều, làm cho ông H1 ngã xuống đường, còn Trần Tuấn A và xe mô tô ngã đổ văng xuống đường. Hậu quả ông H1 bị thương được Trần Tuấn A và người dân đưa đi cấp cứu tại khoa khám bệnh của Bệnh viện V, Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên, sau đó chuyển đi Bệnh viện hữu nghị Việt Đức - Hà Nội đến khoảng 15 giờ cùng ngày ông H1 tử vong.

Qua khám nghiệm hiện trường thể hiện: Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đường Quốc lộ 2A thuộc tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc là đường một chiều có dải phân cách cứng ở giữa phân chia hai chiều đường riêng biệt. Đường được chia làm 03 làn bằng vạch đứt và vạch liền màu trắng, vị trí nạn nhân Nguyễn Chính H1 ngã xuống đường nằm ở làn đường trong cùng bên phải theo hướng từ thành phố Hà Nội đi thành phố Vĩnh Yên. Vị trí xảy ra tai nạn, nạn nhân nằm cách mép đường chuẩn là 12m, cách mép ngoài bên phải của bồn hoa theo hướng từ thành phố Hà Nội đi thành phố Vĩnh Yên là 60cm, cách trực sau của xe mô tô biển kiểm soát: 29S1- xxx.xx là 5,3m. Xe mô tô Wave màu trắng, biển kiểm soát: 29S1- xxx.xx nằm đổ nghiêng bên trái của làn đường trong cùng bên phải theo hướng từ Hà Nội đi Vĩnh Yên, đầu xe hướng đi Vĩnh Yên, đuôi xe hướng đi Hà Nội.

Cơ quan điều tra khám phương tiện: Xe mô tô biển kiểm soát: 29S1- xxx.xx, nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát: 29S1- xxx.xx, xe được đỗ trên mặt sân bê tông phẳng cứng. Đèn xi nhan phía trước bên phải bị tụt vào bên trong, nhựa đầu xe; cánh yếm bên phải bị bung bật gờ hãm với phần nhựa mặt nạ phía trước đầu xe tạo khe hở; cạnh ngoài bên trái đầu xe phía trước có vết trượt xước nhựa theo chiều hướng từ phải qua trái; hệ thống lái, hệ thống phanh hoạt động bình thường;

Ngày 19/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên tiến hành trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định để xác định nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Chính H1, nhưng gia đình ông Nguyễn Chính H1 đã cản trở và từ chối pháp y tử thi, đồng thời có đơn từ chối pháp y tử thi nên không thể tiến hành pháp y tử thi của ông Nguyễn Chính H1 được.

Ngày 08/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã tiến hành trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định xác định nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Chính H1 qua hồ sơ bệnh án. Tại Bản kết luận số: 02/GĐHS ngày 15/3/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Chính H1 là do: Đa chấn thương - chấn thương sọ não nặng sau điều trị không phục hồi.

Tại bản kết luận giám định số: 185A/KLGD ngày 28/01/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

1. Mẫu chất màu đỏ ghi thu tại hiện trường (ký hiệu A1) gửi giám định là máu người, nhóm máu AB

2. Mẫu máu ghi thu của tử thi Nguyễn Chính H1 (ký hiệu M1) gửi giám định thuộc nhóm máu AB.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát: 29S1- xxx.xx, nhãn hiệu Honda Wave màu trắng bị xước nhẹ. Thu giữ của Trần Tuấn A 01 giấy phép lái xe hạng A2 do Cục Cảnh sát Giao thông – Bộ Công an cấp ngày 18/11/2016.

* Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo Trần Tuấn A đã đến xin lỗi và tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân Nguyễn Chính H1 số tiền 50.000.000 đồng là tiền mai táng phí, tiền thất về tính mạng. Ông Nguyễn Chính T (là anh trai ruột của ông Nguyễn Chính H1), đại diện theo ủy quyền của gia đình đã nhận đủ số tiền nêu trên và đại diện hợp pháp cho người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trần Tuấn A.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Trần Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 50/CT- VKSPY ngày 28/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố bị cáo Trần Tuấn A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Trần Tuấn A. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng

án treo, thời gian thử thách gấp đôi; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về vấn đề bồi thường dân sự đã được các bên thỏa thuận không đề nghị, nên không đặt ra xem xét giải quyết và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án như Cáo trạng đã đề cập.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn A trình bày:

Bị cáo được sinh ra trong một gia đình lao động được nuôi ăn học hết lớp 12 thì nghỉ học. Năm 2016 bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đến năm 2018 thì xuất ngũ về địa phương. Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 50.000.000đ. Nay gia đình người bị hại không yêu cầu phải bồi thường gì khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hơn nữa trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi là khi sang đường đã không tuân thủ Luật giao thông đường bộ, tự ý trèo qua dải phân cách đi sang phần đường dành cho xe mô tô và xe thô sơ đã vi phạm khoản 4 Điều 32 Luật giao thông đường bộ. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần nhận được sự khoan hồng của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/01/2019 tại đường QL 2A khu vực trước cổng Công ty C thuộc tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Tuấn A có giấy phép lái xe hạng A2 theo quy định điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 29S1-xxx.xx do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ nên đã đâm vào phía sau ông Nguyễn Chính H1 đang đi bộ ở ven đường bên phải phía trước cùng chiều. Hậu quả làm ông H1 tử vong.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông, bản ảnh hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện, bản ảnh khám phương tiện, biên bản xác định hiện trường, Bản kết luận giám định pháp y về tử thi, Bản kết luận giám định pháp y trên sơ đồ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông do không làm chủ được tốc độ và không chấp hành đúng luật giao thông đường bộ đã gây tai nạn giao thông và làm thiệt hại đến tính mạng được pháp luật bảo vệ.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã vi phạm khoản 4 Điều 11, Điều 12 Luật giao thông đường bộ và khoản 5, khoản 6 Điều 5 Thông tư liên tịch số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ giao thông vận tải, quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, cụ thể:

Khoản 4 Điều 11 quy định: "*Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, ... đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, ... qua đường bảo đảm an toàn.*"

Điều 12 quy định: "*Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường....*"

Khoản 5, khoản 6 điều 5 Thông tư 91/2015 ngày 31/12/2015 quy định:

"Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

5. Qua khu vực có nhà máy, đông dân cư, Bệnh viện.....

6. Khi có người đi bộ... qua đường....”.

Hành vi nêu trên của Trần Tuấn A đã phạm vào tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự;

Điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

a) Làm chết người;

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, hậu quả làm 1 người chết. Do vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người là người luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước. Năm 2016 bị cáo đã tham gia thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân, đến năm 2018 thì xuất ngũ về địa phương. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 50.000.000đ. Nay đại diện gia đình người bị hại không yêu cầu phải bồi thường gì khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hơn nữa trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi là khi sang đường đã không tuân thủ Luật giao thông đường bộ, tự ý trèo qua dải phân cách cứng đi sang phần đường dành cho xe mô tô và xe thô sơ vi phạm khoản 2, khoản 4 Điều 32 Luật giao thông đường bộ: “ Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường” và “ Người đi bộ không được vượt qua giải phân cách cứng”. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử thấy khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo

hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa cho thấy bị cáo mượn xe mô tô của bạn để đi làm, sau đó gây ra tai nạn. Bị cáo không sử dụng mô tô làm phương tiện hành nghề, nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề hoặc công việc nhất định đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã cùng gia đình đến thăm hỏi bồi thường về tính mạng cho gia đình bị hại với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là tiền riêng của bị cáo. Ông Nguyễn Chính T đại diện cho gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo và đại diện cho gia đình người bị hại vẫn thống nhất về việc bồi thường như trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cần trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô hạng A2 số 80045880 M mang tên Trần Tuấn A.

01 xe mô tô Biển kiểm soát: 29S1- xxx.xx, nhãn hiệu Honda Wave màu trắng chỉ bị xước nhẹ. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của anh Phạm Thanh T1 cho A mượn đi lại, ngày 20/5/2019 anh T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì, nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn A phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự năm 2010. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn A 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A2 số 80.045880 M mang tên Trần Tuấn A.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Phúc Yên với chi cục thi hành án thành phố Phúc Yên lập ngày 02 tháng 7 năm 2019).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Trần Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- UBND xã X, huyện Đ, T.P Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÁN**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy

